

Số: 2181/QĐ-CAT

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 13/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Tờ trình số 908/TT-PC07 ngày 24/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

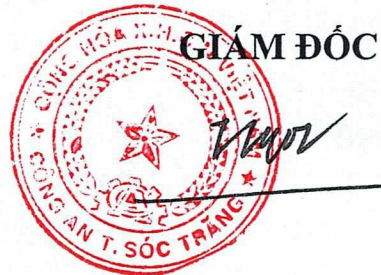
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 98/QĐ-CAT ngày 23/4/2020 của Công an tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ; Trưởng phòng Phòng Hậu cần; Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng Công an các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *mlh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- C07, Bộ Công an (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc CA tỉnh (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, PV01 (TMCS), PC07.



Đại tá Nguyễn Minh Ngọc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý Nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-CAT ngày 28/5/2021 của Giám đốc Công an tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, quan hệ phối hợp, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an nhân dân trong công tác quản lý Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an các huyện, thị xã, thành phố (Công an cấp huyện), các đơn vị có liên quan thuộc Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân công, phân cấp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không chồng chéo giữa các đơn vị, không bỏ sót, lọt nhiệm vụ và đối tượng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

2. Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, đảm bảo đơn giản, thông thoáng, giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời, đảm bảo chặt chẽ về nghiệp vụ.

3. Đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành công tác PCCC và CNCH từ tỉnh đến huyện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác PCCC và CNCH; phân công, phân cấp, trách nhiệm quản lý phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng địa phương và khả năng, điều kiện thực hiện.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

1. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

Thực hiện theo Quyết định số 2413/QĐ-BCA ngày 09/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Công an cấp huyện

Thực hiện theo Thông tư số 42/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 5. Phân cấp quản lý

1. Công tác quản lý địa bàn, cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn PCCC

a) Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

- Địa bàn quản lý: Phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Đối tượng: Theo Phụ lục I Quy định này.

b) Công an cấp huyện

- Địa bàn quản lý: Phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện;
- Đối tượng: Theo Phụ lục II Quy định này.

2. Cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

Cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, được thực hiện như sau:

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại các Khu Công nghiệp, địa bàn thành phố Sóc Trăng; phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường thủy nội địa trong phạm vi toàn tỉnh được quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

- Công an các huyện, thị xã thực hiện cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại địa bàn quản lý được quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

3. Công tác thẩm duyệt thiết kế và kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế và kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn PCCC theo quy định tại Điều 13, Điều 15 và Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục*

hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an).

4. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; tạm đình chỉ, đình chỉ, phục hồi hoạt động trong lĩnh vực PCCC

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và Công an cấp huyện thực hiện công tác kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH định kỳ, đột xuất theo đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 149/2020/TT-BCA được phân cấp (*đối với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tại Phụ lục I, đối với Công an cấp huyện tại Phụ lục II Quy định này*) theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Thông tư số 141/2020/TT-BCA; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và Công an cấp huyện khi phát hiện các cơ sở có nguy cơ phát sinh cháy, nổ được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP thì kiểm tra đột xuất các cơ sở theo phân cấp để thực hiện việc tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động và phục hồi hoạt động theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

5. Công tác xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an

a) Xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực tập phương án chữa cháy

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy đối với cơ sở được phân cấp tại Phụ lục I Quy định này trên cơ sở quy mô được quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; thực hiện phê duyệt phương án chữa cháy được quy định tại Điều 9 và tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

- Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy đối với cơ sở được phân cấp tại Phụ lục II Quy định này trên cơ sở quy mô được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; thực hiện phê duyệt phương án chữa cháy được quy định tại Điều 9 và tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

b) Xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực tập phương án cứu nạn, cứu hộ

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án CNCH theo quy định tại điểm b, khoản 3 và khoản 4; thực hiện phê duyệt phương án CNCH được quy định tại Mục 1, điểm b, khoản 8 Điều 9 và thực tập phương án CNCH theo quy định tại điểm b, d khoản 6, Điều 9 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

6. Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP trên cơ sở được phân cấp tại Phụ lục I Quy định này (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

- Công an cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP trên cơ sở được phân cấp tại Phụ lục II Quy định này (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

7. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp, cấp đổi, cấp lại (gọi chung là cấp) chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH

a) Huấn luyện, bồi dưỡng và cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và Công an cấp huyện tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng và cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC được quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

b) Bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn kiến thức và cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn kiến thức và cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH được quy định tại Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

8. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm tổ chức thực hiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC trên địa bàn tỉnh, trừ các cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định tại điểm a, khoản 12 Điều 45 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (*Thực hiện thủ tục hành chính theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

9. Công tác điều tra, giải quyết các vụ cháy, nổ

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và Công an cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân; Công văn số 3676/BCA-C07 ngày 28/10/2020 của Bộ Công an; Công văn số 1193/CAT-PV01 ngày 01/12/2020 của Giám đốc Công an tỉnh về thực hiện việc điều tra vụ cháy, nổ trong Công an nhân dân; Quyết định số 71/QĐ-C07-P3 ngày 27/01/2021 của Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH về việc ban hành Quy trình thực hiện công tác điều tra, giải quyết cháy, nổ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

- Chủ trì, phối hợp Phòng Tham mưu, Phòng Hậu cần, Phòng Công tác đảng và Công tác chính trị và các đơn vị liên quan tham mưu lãnh đạo Công an tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Quy định này.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện quy định phân cấp này. Hàng năm, có kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn công tác PCCC và CNCH đối với Công an cấp huyện và tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH; Trưởng Công an cấp huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai cho cán bộ, chiến sỹ quán triệt thực hiện quy định này; đồng thời xây dựng quy trình, thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC theo Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Công an tỉnh (qua PC07, SĐT: 02993.822.888, 0693.751223) để được trao đổi, hướng dẫn kịp thời./.

PHỤ LỤC 1

Danh mục cơ sở do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2181/QĐ-CAT, ngày 28/5/2021
của Giám đốc Công an tỉnh)

1. Trụ sở cơ quan nhà nước cấp tỉnh trở lên.
2. Nhà chung cư cao từ 8 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 11.000 m³ trở lên; nhà tập thể, nhà ở ký túc xá cao từ 8 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 11.000 m³ trở lên; nhà hỗn hợp cao từ 7 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 6.000 m³ trở lên.
3. Nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non có trên 360 cháu trở lên hoặc có tổng khối tích từ 7.000 m³ trở lên; trường tiểu học, trung học cơ sở có tổng khối tích từ 7.000 m³ trở lên; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường cao đẳng, đại học, học viện, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục thường xuyên có tổng khối tích từ 7.000 m³ trở lên; cơ sở giáo dục khác được thành lập theo Luật Giáo dục có tổng khối tích từ 7.000 m³ trở lên.
4. Bệnh viện từ 260 giường bệnh trở lên; phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, cơ sở phòng chống dịch bệnh, trung tâm y tế, cơ sở y tế khác được thành lập theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh cao từ 6 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 6.000 m³ trở lên.
5. Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc từ 650 chỗ ngồi trở lên; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện cao từ 6 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích của các nhà tổ chức hội nghị, sự kiện từ 11.000 m³ trở lên; nhà văn hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường cao từ 6 tầng trở lên hoặc khối tích từ 6.000 m³ trở lên; quán bar, câu lạc bộ, thẩm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp, công viên giải trí, vườn thú, thủy cung cao từ 6 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 6.000 m³ trở lên.
6. Chợ hạng 1; trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, cửa hàng ăn uống có tổng diện tích kinh doanh từ 600 m² trở lên hoặc có khối tích từ 6.000 m³ trở lên.
7. Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ cao từ 8 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 11.000 m³ trở lên; nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật Du lịch cao từ 8 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 11.000 m³ trở lên.
8. Nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội cao từ 8 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 11.000 m³ trở lên.
9. Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày, nhà lưu trữ, nhà sách, nhà hội chợ có khối tích từ 11.000 m³ trở lên.
10. Bưu điện, cơ sở truyền thanh, truyền hình, viễn thông cao từ 6 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 11.000 m³ trở lên; nhà lắp đặt thiết bị thông tin, trung tâm lưu trữ, quản lý dữ liệu có khối tích từ 6.000 m³ trở lên.
11. Sân vận động có sức chứa từ 5.000 chỗ ngồi trở lên; nhà thi đấu thể thao, cung thể thao trong nhà có sức chứa từ 1.000 chỗ ngồi trở lên; trung tâm thể dục, thể thao, trường đua, trường bắn có sức chứa từ 6.000 chỗ trở lên hoặc có tổng

khối tích từ 11.000 m³ trở lên; cơ sở thể thao khác được thành lập theo Luật Thể dục, thể thao có khối tích từ 6.000 m³ trở lên.

12. Cảng hàng không; đài kiểm soát không lưu; bến cảng biển; cảng cạn; cảng thủy nội địa; bến xe khách loại 1; trạm dừng nghỉ; nhà ga đường sắt, nhà chờ cáp treo vận chuyển người; công trình tàu điện ngầm; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới; cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy có diện tích kinh doanh từ 1.000 m² trở lên hoặc có khối tích từ 10.000 m³ trở lên.

13. Gara để xe có sức chứa từ 50 xe ô tô trở lên; bãi trông giữ xe được thành lập theo quy định của pháp luật có sức chứa từ 50 xe ô tô trở lên.

14. Hàm đường bộ, hàm đường sắt có chiều dài từ 500 m trở lên.

15. Cơ sở hạt nhân; cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; cảng xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; kho vũ khí, công cụ hỗ trợ.

16. Cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, bảo quản dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt trên đất liền; kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, kho khí đốt; cảng xuất, nhập dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt; cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

17. Cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B; hạng nguy hiểm cháy, nổ C có tổng khối tích các khối nhà có dây chuyền công nghệ sản xuất chính từ 2.500 m³ trở lên.

18. Nhà máy điện; trạm biến áp có điện áp từ 110 kV trở lên.

19. Hàm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ có tổng khối tích từ 1.500 m³ trở lên; kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được có tổng khối tích từ 6.000 m³ trở lên; bãi chứa hàng hóa, vật tư, phế liệu cháy được có diện tích từ 5.000 m² trở lên.

20. Cơ sở khác không thuộc danh mục từ mục 1 đến mục 19 có trạm cấp xăng dầu nội bộ.

21. Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy: Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện đường thủy có chiều dài từ 20 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ.

22. Cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

23. Rừng.

24. Công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự.

25. Hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao./.

PHỤ LỤC 2

Danh mục cơ sở do Công an cấp huyện quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 481/QĐ-CAT, ngày 18/5/2021
của Giám đốc Công an tỉnh)

1. Trụ sở cơ quan nhà nước cấp huyện.
2. Nhà chung cư cao từ 5 tầng đến dưới 8 tầng hoặc có tổng khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 11.000 m³; nhà tập thể, nhà ở ký túc xá cao từ 5 tầng đến dưới 8 tầng hoặc có tổng khối tích từ 2.500 m³ đến dưới 11.000 m³; nhà hỗn hợp cao từ 5 tầng đến dưới 7 tầng hoặc có tổng khối tích từ 1.500 m³ đến dưới 6.000 m³.
3. Nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non có từ 100 cháu đến 360 cháu hoặc có tổng khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 7.000 m³; trường tiểu học, trung học cơ sở có tổng khối tích từ 2.000 m³ đến dưới 7.000 m³; trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường cao đẳng, đại học, học viện, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục thường xuyên có tổng khối tích dưới 7.000 m³; cơ sở giáo dục khác được thành lập theo Luật Giáo dục có tổng khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 7.000 m³.
4. Bệnh viện dưới 260 giường bệnh; phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, cơ sở phòng chống dịch bệnh, trung tâm y tế, cơ sở y tế khác được thành lập theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh cao từ 3 tầng đến dưới 6 tầng hoặc có tổng khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 6.000 m³.
5. Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc dưới 650 chỗ ngồi; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện cao từ 3 tầng đến dưới 6 tầng hoặc có tổng khối tích của các nhà tổ chức hội nghị, sự kiện từ 1.500 m³ đến dưới 11.000 m³; nhà văn hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường cao từ 3 tầng đến dưới 6 tầng hoặc khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 6.000 m³; quán bar, câu lạc bộ, thẩm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp, công viên giải trí, vườn thú, thủy cung cao từ 3 tầng đến dưới 6 tầng hoặc có tổng khối tích từ 1.500 m³ đến dưới 6.000 m³.
6. Chợ hạng 2; trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, cửa hàng ăn uống có tổng diện tích kinh doanh từ 300 m² đến dưới 600 m² hoặc có khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 6.000 m³.
7. Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ cao từ 5 tầng đến dưới 8 tầng hoặc có khối tích từ 1.500 m³ đến dưới 11.000 m³; nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật Du lịch cao từ 3 tầng đến dưới 8 tầng hoặc có khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 11.000 m³.
8. Nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội cao từ 5 tầng đến dưới 8 tầng hoặc có tổng khối tích từ 1.500 m³ đến dưới 11.000 m³.
9. Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày, nhà lưu trữ, nhà sách, nhà hội chợ có khối tích từ 1.500 m³ đến dưới 11.000 m³; cơ sở tôn giáo có khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 11.000 m³.

10. Bưu điện, cơ sở truyền thanh, truyền hình, viễn thông cao từ 3 tầng đến dưới 6 tầng hoặc có khối tích từ 1.500 m^3 đến dưới 11.000 m^3 ; nhà lắp đặt thiết bị thông tin, trung tâm lưu trữ, quản lý dữ liệu có khối tích từ 1.000 m^3 đến dưới 6.000 m^3 .

11. Sân vận động có sức chứa dưới 5.000 chỗ ngồi trở xuống; nhà thi đấu thể thao, cung thể thao trong nhà có sức chứa dưới 1.000 chỗ ngồi trở xuống; trung tâm thể dục, thể thao, trường đua, trường bắn có sức chứa dưới 6.000 chỗ trở xuống hoặc có tổng khối tích dưới 11.000 m^3 trở xuống; cơ sở thể thao khác được thành lập theo Luật Thể dục, thể thao có khối tích từ 1.500 m^3 đến dưới 6.000 m^3 .

12. Bến xe khách loại 2 trở xuống; cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy có diện tích kinh doanh từ 500 m^2 đến dưới 1.000 m^2 hoặc có khối tích từ 5.000 m^3 đến dưới 10.000 m^3 .

13. Gara để xe có sức chứa từ 10 xe ô tô đến dưới 50 xe ô tô; bãi trông giữ xe được thành lập theo quy định của pháp luật có sức chứa từ 20 xe ô tô đến dưới 50 xe ô tô.

14. Cửa hàng kinh doanh chất lỏng dễ cháy, cửa hàng kinh doanh khí đốt (gọi là cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng) có tổng lượng khí tồn chứa từ 150 kg trở lên.

15. Cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ D, E có tổng khối tích của các khối nhà có dây chuyền công nghệ sản xuất chính từ 5.000 m^3 trở lên.

16. Kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được có tổng khối tích từ 1.500 m^3 đến dưới 6.000 m^3 ; bãi chứa hàng hóa, vật tư, phế liệu cháy được có diện tích từ 1.000 m^2 đến dưới 5.000 m^2 .

17. Cơ sở khác không thuộc danh mục từ mục 1 đến mục 16 có sử dụng hệ thống cấp khí đốt trung tâm có tổng lượng khí sử dụng từ 70 kg trở lên.

18. Nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, chất dễ cháy, hàng hóa đựng trong bao bì cháy được của hộ gia đình có tổng diện tích sản xuất, kinh doanh từ 300 m^2 trở lên./.

PHỤ LỤC 3

Danh mục cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý Nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2181 /QĐ-CAT, ngày 18/ 5 /2021 của Giám đốc Công an tỉnh)

1. Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;
2. Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;
3. Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
4. Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;
5. Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan;
6. Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân;
7. Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;
8. Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
9. Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;
10. Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
11. Thông tư số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 23/6/2010 của Bộ Công an, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg, ngày 06/7/2009 của Thủ tướng quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sỹ trong Công an nhân dân;
12. Thông tư số 18/2013/TT-BCA-C41 ngày 01/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về công tác điều tra cơ bản của lực lượng Cảnh sát nhân dân;
13. Thông tư số 22/2013/TT-BCA-C41 ngày 01/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về công tác xây dựng, sử dụng công tác viên cơ sở bí mật của lực lượng Cảnh sát nhân dân;

14. Thông tư số 25/2015/TT-BCA ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân;

15. Thông tư số 49/2015/TT-BCA-C41 ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, sử dụng mật phí trong lực lượng Cảnh sát nhân dân;

16. Thông tư số 57/2015/TT-BCA ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

17. Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC;

18. Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an, quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP, ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

19. Thông tư số 25/2018/TT-BCA ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về trình tự thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC;

20. Thông tư số 05/2019/TT-BCA ngày 13/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chế độ báo cáo trong Công an nhân dân;

21. Thông tư số 18/2019/TT-BCA ngày 27/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về mức tiêu thụ nhiên liệu phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới;

22. Thông tư số 14/2019/TT-BCA ngày 21/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về công tác thống kê trong Công an nhân dân;

23. Thông tư số 16/2019/TT-BCA ngày 25/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an, sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về công tác nghiệp vụ cơ bản và quản lý, sử dụng mật phí của lực lượng Cảnh sát nhân dân;

24. Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định trình tự thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân;

25. Thông tư số 55/2020/TT-BCA ngày 03/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết các vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân;

26. Thông tư số 60/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân;

27. Thông tư số 139/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;

28. Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;

29. Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;

30. Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

31. Thông tư số 148/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 57/2015/TT-BCA ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

32. Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

33. Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

34. Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

35. Chỉ thị số 11/CT-BCA ngày 19/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an, về việc tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân trong tình hình mới;

36. Hướng dẫn số 305/HD-V06-P4 ngày 25/12/2020 hướng dẫn công tác lập, đăng ký và quản lý sử dụng hồ sơ nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát nhân dân;

37. Hướng dẫn số 04/HD-C07-P1 ngày 10/5/2021 của Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH hướng dẫn thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

38. Hướng dẫn số 05/HD-C07-P1 ngày 10/5/2021 của Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH hướng dẫn thực hiện công tác hồ sơ nghiệp vụ theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

39. Công văn số 1000/C07-P1 ngày 10/5/2021 của Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH về việc thực hiện công tác quản lý cơ sở về PCCC và CNCH.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.